

TOÀ ÁN N DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM Đ

CNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 128/2024/HS-ST

Ngày: 24-7-2024

N DANH
NƯỚC CNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM Đ

- **T phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm pH- Chủ tọa phiên tòa: bà **Lê Thị T Vũ**

Các Hội thẩm N dân:

Ông Cao Đình N

Ông Nguyễn Văn Nhấn

Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Văn H** - Cán bộ Tòa án N dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đ tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Hương** - Kiểm sát Viên.

Ngày 24 tHg 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số 90/2024/TLST-HS ngày 15 tHg 5 năm 2024, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST – HS ngày 06/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lương T H, giới tính: nam; sinh ngày 22/01/1990 tại tỉnh Lâm Đ; nơi ĐKHKT: thôn NS3, xã PS, huyện LH, tỉnh Lâm Đ; chỗ ở hiện nay: thôn SR, xã NT, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông: Lương Đình C, đã chết; con bà: Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968; vợ: N Thị Q N, sinh năm 1992; con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2024; anh chị em ruột: có 07 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2003, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; tiền án, tiền sự: không

N thân: tại bản án số 90/2023/HSST ngày 16/8/2023 của Tòa án N dân huyện LH, Lâm Đ xử phạt số tiền 20.000.000Đ về tội “đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa;

2. Họ và tên: Lò Đ V, giới tính: nam; sinh ngày 20/7/1995 tại tỉnh Lâm Đ; nơi ĐKHKT: 82 thôn YL, xã NT, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Tin lành; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: tài xế; con

ông: Lò Văn Đ, sinh năm 1966; con bà: Quàng Thị Thái T, sinh năm 1974; vợ, con: chưa có; anh chị em ruột: 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Trần Đình H, giới tính: nam; sinh ngày 10/6/1989 tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT: thôn BR, xã NT, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Trần Đình T, sinh năm 1962; con bà: Đặng Thị L, sinh năm 1963; vợ: Bùi Thị Thu T, sinh năm 1993; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2022; anh chị em ruột: có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1994, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; tiền án, tiền sự: không

N thân:

+ Tại bản án số 116/2014/HSST ngày 15/12/2014 của Tòa án N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đ xử phạt 04 tHg 24 ngày tù về tội “giao cấu với trẻ em”.

+ Tại quyết Đ số 01 ngày 05/01/2022 của Công an xã NT, huyện Đ xử phạt Trần Đình H số tiền 1.500.000Đ về hành V V phạm quy Đ về quản L sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, pháo và đồ chơi nguy hiểm bị cấm.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Phùng Thế H, giới tính: nam; sinh ngày 06/5/1980 tại Hà Nội; nơi ĐKKHKT: thôn Mỹ Đ, xã MD, huyện LH, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông: Phùng Văn C, sinh năm 1950; con bà: Phùng Thị Đ, sinh năm 1950; vợ: Đàm Thị T, sinh năm 1982; con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2005; anh chị em ruột: có 07 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1992, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình;

Tiền sự: không;

Tiền án:

+Tại Bản án số 86/2019/HSST ngày 26/11/2019 của Tòa án N dân huyện LH, tỉnh Lâm Đ xử phạt 06 tHg tù về tội “đánh bạc”; bị cáo chấp hành xong bản án vào ngày 09/6/2020.

+Tại bản án số 02/2022/HSST ngày 07/01/2022 của Tòa án N dân huyện LH, tỉnh Lâm Đ xử phạt 09 tHg tù về tội “đánh bạc”; bị cáo chấp hành xong bản án vào ngày 07/7/2023.

N thân:

+Tại Bản án số 69/2009/HSST ngày 25/9/2009 của Tòa án N dân huyện LH, tỉnh Lâm Đ xử phạt 30 tHg tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tHg về tội “đánh bạc”.

+Tại Bản án số 59/2012/HSST ngày 25/9/2012 của Tòa án N dân huyện LH, tỉnh Lâm Đ xử phạt 15 tHg tù về tội “đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, giới tính: nam; sinh ngày 05/9/1972 tại Lâm Đ; nơi ĐKKTT: thôn TĐ, xã Tân Hội, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông: Nguyễn T, đã mất; con bà: Lê Thị N, đã chết; vợ: Vũ Thị C (Vũ Thị P), sinh năm 1979 (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2005; anh chị em ruột: gia đình có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1960, nhỏ nhất sinh năm 1972.

Tiền sự: không

Tiền án: tại Bản án số 49/2010/HSST ngày 25/6/2010 của Tòa án N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đ xử phạt 20.000.000Đ về tội “đánh bạc”; bị cáo chưa chấp hành hình phạt và án phí bản án trên.

N thân: tại Bản án số 66/2012/HSST ngày 23/10/2012 của Tòa án N dân huyện LH, tỉnh Lâm Đ xử phạt 09 tHg tù về tội “đánh bạc”; bị cáo đã chấp hành xong bản án trên vào tHg 12/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Trần Ngọc N**, giới tính: nam; sinh ngày 17/9/1986 tại tỉnh Lâm Đ; HKTT: 86 thôn TT, xã Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: làm nông.

Con ông: Trần Ngọc M, sinh năm 1958; con bà: Lê Thị N, sinh năm 1958; vợ: Nguyễn Thụy V, sinh năm 1983; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2023; anh chị em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1994.

Tiền án, tiền sự: không

N thân: tại Bản án số 99/2024/HSST ngày 25/6/2024 của Tòa án N dân huyện LH, tỉnh Lâm Đ xử phạt 37 tHg tù về tội “đánh bạc”; (hiện bị cáo N đang kHg cáo và chưa xét xử phúc thẩm)

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Lê Thị H**, giới tính: nữ; sinh ngày 22/7/1992 tại tỉnh Lâm Đ; nơi ĐKHKT: thôn Tân Đ, xã MD, huyện LH, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông: Lê Hồng H, sinh năm 1958 (đã chết năm 2005); con bà: Đào Thị H, sinh năm 1959; chồng: Bùi Xuân Đ, sinh năm 1985 (đã ly hôn); con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; anh chị em ruột: có 05 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1994.

Tiền án, tiền sự: không

N thân: tại Bản án số 107/2024/HSST ngày 12/7/2024 của Tòa án N dân huyện LH, tỉnh Lâm Đ xử phạt 08 tHg tù về tội “đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023 và hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện LH theo Lệnh tạm giam số 187 ngày 22/12/2023 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lâm Đ, về tội đánh bạc tại LH – có mặt tại phiên tòa;

8. Họ và tên: **Võ Văn Q**, giới tính: nam; sinh ngày 08/11/1971 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi ĐKHKT: thôn BR, xã NT, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông: Võ Văn T (đã chết); con bà: Lê Thị B (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1974; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014; anh chị em ruột: gia đình có 05 anh chị em ruột, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1980.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa;

9. Họ và tên: **Đỗ Thị Ngọc B**, giới tính: nữ; sinh ngày 15/6/1982 tại tỉnh Lâm Đ; nơi ĐKHKT: thôn T B 1, xã BT, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông: Đỗ Văn Q (đã chết năm 2014); con bà: Trần Thị B, sinh năm 1958; chồng: Trần Công L, sinh năm 1982; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014; anh chị em ruột: gia đình có 05 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1988, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa;

10. Họ và tên: **Nguyễn Đ Cao Đ**, giới tính: nam; sinh năm 1983, tại tỉnh Lâm Đ; nơi ĐKHKT: thôn KP, xã BT, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: thiên chúa; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông: Nguyễn Đ M, sinh năm 1955, con bà: Phạm Thị M, sinh năm

1959; vợ: Đỗ Thị B H, sinh năm 1984; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011; anh chị em ruột: gia đình có 06 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ sinh năm 1986, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa;

11. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, giới tính: nam; sinh ngày 15/01/1988 tại tỉnh Nam Đ; nơi ĐKHKTT: thôn PT, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: thiên chúa; Trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông: Nguyễn Quang T (đã chết); con bà: Đinh Thị H, sinh năm 1950; vợ: Phan Thị Hồng V, sinh năm 1991; con: có 03 con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018; anh chị em ruột: gia đình có 05 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa;

12. Họ và tên: Nguyễn Thị T, giới tính: nữ; sinh ngày 04/4/1995 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi ĐKHKTT: thôn T B 1, xã BT, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: thiên chúa; Trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1964; con bà: Phạm Thị M, sinh năm 1964; chồng: H Ngọc T P, sinh năm 1984; con: có 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016; anh chị em ruột: gia đình có 03 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa;

13. Họ và tên: N Thị Q N, giới tính: nữ; sinh ngày 02/9/1992 tại tỉnh Lâm Đ; nơi ĐKHKTT: thôn NS3, xã PS, huyện LH, tỉnh Lâm Đ; chỗ ở hiện nay: thôn SR, xã NT, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: thiên chúa; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông: N Văn V, sinh năm 1956; con bà: Đỗ Thị R, sinh năm 1964; chồng: Lương T H, sinh năm 1990; con: có 02 con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2024; anh chị em ruột: gia đình có 05 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa;

14. Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Q, giới tính: nữ; sinh ngày 10/12/1982 tại tỉnh Đ Nai; nơi ĐKHKTT: thôn SR, xã NT, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: thiên chúa; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông: Nguyễn Văn H (đã chết); con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; chồng: Đinh Văn L, sinh năm 1981; con: có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2010; anh chị em ruột: gia đình có 05 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1988, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa;

15. Họ và tên: Vũ Phú Đ, giới tính: nam; sinh ngày 08/6/1986 tại H Phòng; nơi ĐKKTTT: khu 1, thị trấn TL, huyện TL, T phố H Phòng; chỗ ở hiện nay: thôn Tân Đ, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông: Vũ Phú B, sinh năm 1952; con bà: H Thị H, sinh năm 1957; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2024; anh chị em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo được tại ngoại – có mặt tại phiên tòa;

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn BR, xã NT, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ – vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Do muốn đánh bạc ăn thua bằng tiền nên bị cáo Lương T H nảy sinh ý Đ tổ chức sòng xóc đĩa để tham gia đánh bạc ăn thua cùng với các con bạc. Trưa ngày 07/08/2023, H gọi điện cho Lò Đ V để nhờ V chuẩn bị địa điểm đánh bạc và nhờ V xóc đĩa để H cùng các con bạc đặt cược ăn thua. V gọi điện cho Trần Đình H nhà ở tại thôn BR, xã NT, huyện Đ để mượn địa điểm là nhà H để đánh bạc, H hiểu Vệc cho V mượn nhà đánh bạc sẽ được V trả tiền công và H Đ ý. Khoảng 13 giờ 30 cùng ngày, H và V cùng khoảng 15 đối tượng được V và H rủ trước đó tới nhà của H. Tại đây, H chuẩn bị công cụ, phương tiện gồm: chén, đĩa, và cất các con vị để V xóc đĩa và cùng các con bạc đặt cược ăn thua bằng tiền. Đối với các con bạc vào chơi, H đứng ra thu mỗi người từ 100.000Đ tới 200.000Đ. Khi đã thu đủ số tiền 2.000.000Đ, bị cáo H không thu tiền con bạc nữa rồi đưa cho Lò Đ V để đưa chủ nhà. V đưa số tiền 2.000.000Đ cho Trần Đình H, H hiểu số tiền trên là số tiền công khi cho các đối tượng mượn nhà để đánh bạc. H nhận và giao lại số tiền

trên cho vợ là Bùi Thị Thu T đang ở quán Bida bên cạnh nhà của H và sau đó đi công Vệc. Các con bạc đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, đặt tiền theo hai cửa chắn lẻ được xác Đ dựa vào mặt nổi lên của các con vị được cắt ra từ lá bài tây, mức đặt cược ăn thua mỗi cây của mỗi con bạc là từ 100.000 Đ trở lên. Tại sòng bạc, V vừa là người trực tiếp xóc cho các con bạc ăn thua Đ thời V vừa đặt để ăn thua với các con bạc. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lương T H, Lò Đ V, Trần Ngọc N, Phùng Thế H, Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, N Thị Q N, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Lê Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Văn Q đang đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa (BL 147 – 150, 155 – 166, 177 – 188, 194 – 201, 212 – 221, 250 – 259, 280 -291, 311 – 320, 328 – 337, 343 – 351, 357 – 366, 392 – 401, 407 – 415, 422 – 431, 437 – 443, 449 - 457).

Tình tiết giảm nhẹ:

+ Các bị cáo Lương T H, Lò Đ V, Trần Đình H, Trần Ngọc N, Phùng Thế H, Nguyễn Văn T đã T khẩn khai báo ăn năn hối cải nên được áp dụng T tiết giảm nhẹ theo quy Đ.

+ Các bị cáo Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Lê Thị H và Võ Văn Q đã T khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các T tiết giảm nhẹ theo quy Đ.

+ Đối với bị cáo N Thị Q N đã T khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội khi đang mang thai nên được áp dụng các T tiết giảm nhẹ theo quy Đ.

T tiết tăng nặng: áp dụng T tiết tăng nặng “tái phạm” đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Tang vật của vụ án:

- Tiền thu tại sòng: 15.300.000Đ (mười lăm triệu B trăm ngàn Đ),
- Số tiền thu trong người các đối tượng sử dụng để đánh bạc: 7.200.000Đ (bảy triệu hai trăm ngàn Đ) trong đó:

+ Thu giữ của Nguyễn Văn Đ: 2.000.000Đ.

+ Thu giữ của N Thị Q N : 2.900.000Đ.

+ Thu giữ của Đỗ Thị Ngọc B: 500.000Đ.

+ Thu giữ của Lương T H: 1.800.000Đ.

+ Thu giữ của Bùi Thị Thu T: 2.000.000Đ (tiền thu lợi từ Vệc Trần Đình H cho mượn nhà).

N vậy tổng số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc trong vụ án đã chứng M là 24.500.000Đ (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn Đ).

- 04 con vị, 01 chén, 01 đĩa, 01 bộ bài tây 52 lá, 01 mền đỏ sử dụng làm chiếu bạc, 01 bấm vị.

Số tang vật và tiền này hiện đang được tạm gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ chờ xử L.

Cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 07 tHg 5 năm 2024, Viện kiểm sát N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đ đã truy tố các bị cáo Lương T H và Lò Đ V về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy Đ tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và tội “*đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Trần Đình H về tội “*Gá bạc*” theo quy Đ tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Phùng Thế H về tội “*đánh bạc*” theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Trần Ngọc N, Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, N Thị Q N, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Lê Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Văn Q về tội “*Đánh bạc*” theo quy Đ tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đ thực hành quyền công tố vẫn giữ N Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Lương T H, Lò Đ V, Trần Đình H, Phùng Thế H, Trần Ngọc N, Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, N Thị Q N, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Lê Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Văn Q và đề nghị:

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lương T H, Lò Đ V đề nghị:

+ Xử phạt bị cáo Lương T H 18 đến 24 tHg tù về tội “*tổ chức đánh bạc*” và 12 đến 15 tHg tù về tội “*đánh bạc*”; tổng hợp hình phạt từ 30 đến 39 tHg tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lò Đ V 15 đến 18 tHg tù về tội “*tổ chức đánh bạc*” và 12 đến 15 tHg tù về tội “*đánh bạc*”; tổng hợp hình phạt từ 27 đến 33 tHg tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

- Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đình H; đề nghị xử phạt từ 24 đến 30 tHg tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phùng Thế H; đề nghị xử phạt từ 03 đến 04 năm tù;

thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T; đề nghị xử phạt từ 15 đến 18 tHg tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Ngọc N, Lê Thị H; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc N từ 12 đến 15 tHg tù; bị cáo Lê Thị H từ 12 đến 15 tHg tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Võ Văn Q; đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 70.000.000Đ đến 80.000.000Đ để sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, n, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N Thị Q N; đề nghị xử phạt từ 60.000.000Đ đến 70.000.000Đ để sung công quỹ Nhà nước.

Về xử L vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 04 con vịt; 01 chén, 01 đĩa; 01 bộ bài tây 52 lá; 01 mền đỏ sử dụng làm chiếu bạc; 01 bấm vị .

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 24.500.000Đ (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn Đ).

Tại phiên tòa, các bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành V phạm tội của mình và xin Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận Đ N sau:

[1] Xét về hoạt động điều tra, truy tố của điều tra Viên, kiểm sát Viên thì thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, điều tra Viên, kiểm sát Viên đã thực hiện đúng quy Đ của Bộ luật tố tụng hình sự, không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành V, quyết Đ tố tụng của những người tiến hành tố tụng. N vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy Đ của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành V phạm tội của mình, cụ thể N sau: Vào khoảng 15 giờ ngày 07/8/2023 tại nhà của Trần Đình H thuộc thôn Bia Rây, xã NT, huyện Đ, tỉnh Lâm Đ; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ bắt quả tang các bị cáo Lương T H, Lò Đ V, Trần Ngọc N, Phùng Thế H, Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, N Thị Q N, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Lê Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Văn Q đang đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa với tổng số tiền đánh bạc là 24.500.000 Đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn Đ). Quá trình điều tra xác Đ do muốn đánh bạc ăn thua bằng tiền nên Lương T H và Lò Đ V tổ chức sòng xóc đĩa trên. Đối với Trần Đình H là người cho thuê nhà để các bị cáo tổ chức sòng bạc và tham gia đánh bạc.

Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội Đ xét xử có đủ cơ sở để khẳng Đ: các bị cáo Lương T H và Lò Đ V phạm tội “*đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 và tội “*tổ chức đánh bạc*” theo quy Đ tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Đình H phạm tội “*gá bạc*” theo quy Đ tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; bị cáo Phùng Thế H phạm tội “*đánh bạc*” theo quy Đ tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; các bị cáo Trần Ngọc N, Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, N Thị Q N, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Lê Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Văn Q phạm tội “*đánh bạc*” theo quy Đ tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành V phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo Lương T H, Lò Đ V, Trần Đình H, Trần Ngọc N, Phùng Thế H, Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, N Thị Q N, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Lê Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Văn Q là người có sức khỏe, có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được các hành V “*tổ chức đánh bạc*”; “*gá bạc*” và “*đánh bạc*” là tệ nạn xã hội, sẽ làm phát sinh ra các tệ nạn xã hội khác và bị pháp luật nghiêm cấm Nng vì lười lao động và muốn thu lợi nhanh chóng nên các bị cáo vẫn thực hiện hành V phạm tội, thể hiện sự xem tH pháp luật; hành V của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến T hình trật tự trị an tại địa phương, làm giảm hiệu lực quản L trật tự xã hội của nhà nước.

[4] Về vai trò, N thân và các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án:

[4.1] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

- Đối với bị cáo Lương T H, là người chủ động khởi xướng hành V tổ chức đánh bạc; sau đó rủ rê và giao cho V chuẩn bị địa điểm để thực hiện hành V đánh

bạc và H trực tiếp chuẩn bị công cụ để thực hiện hành V đánh bạc nên pH chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Lò Đ V về tội “*tổ chức đánh bạc*”. Đối với hành V “đánh bạc” thì bị cáo H là người rủ rê nhiều bị cáo khác cùng đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc và tại bản án số 90/2023/HSST ngày 16/8/2023 của Tòa án N dân huyện LH, Lâm Đ xử phạt số tiền 20.000.000Đ về tội “đánh bạc” Nng vẫn tiếp tục thực hiện hành V đánh bạc, thể hiện sự xem tH pháp luật của bị cáo nên pH chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác trong vụ án này.

- Đối với bị cáo Lò Đ V sau khi nghe H nhờ tìm địa điểm đánh bạc thì V đã gọi cho bị cáo H để thuê địa điểm đánh bạc và rủ rê thêm người khác đến tham gia đánh bạc; sau đó tại sòng bạc V là người trực tiếp xóc đĩa và cũng trực tiếp đánh bạc nên hành V phạm tội “đánh bạc” của bị cáo V pH chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo khác trong vụ án này.

- Đối với bị cáo Trần Đình H là người cho các bị cáo mượn nhà và được hưởng lợi số tiền 2.000.000Đ nên pH chịu trách nhiệm hình sự về tội “gã bạc”.

- Còn đối với các bị cáo Trần Ngọc N, Phùng Thế H, Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, N Thị Q N, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Lê Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Văn Q thì hành V của các bị cáo đều là các con bạc trực tiếp tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền nên vai trò của các bị cáo trong vụ án này là ngang nhau. Tuy nhiên khi xem xét cũng pH cân nhắc đến N thân của từng bị cáo trong vụ án. Xét về N thân thì các bị cáo Phùng Thế H đã có tiền án và N thân, 04 lần bị xét xử về tội đánh bạc, đã tái phạm chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành V phạm tội; đối với bị cáo Nguyễn Văn T bị xét xử 02 lần về tội Đánh bạc, hiện chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành V phạm tội. Đối với bị cáo Trần Ngọc N, tại Bản án số 99/2024/HSST ngày 25/6/2024 của Tòa án N dân huyện LH, tỉnh Lâm Đ xử phạt 37 tHg tù về tội “đánh bạc”; (hiện bị cáo N đang kHg cáo và chưa xét xử phúc thẩm) Nng vẫn tiếp tục thực hiện hành V phạm tội; đối với bị cáo Lê Thị H đã bị khởi tố và đang trong quá trình điều tra và đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành V phạm tội nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đ ra quyết Đ khởi tố về tội đánh bạc và tại Bản án số 107/2024/HSST ngày 12/7/2024 của Tòa án N dân huyện LH, tỉnh Lâm Đ xử phạt 08 tHg tù. Hành V trên của các bị cáo H, T, N và H đã thể hiện sự xem tH pháp luật nên cần xử L nghiêm hơn các bị cáo còn lại.

Hành V trên của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự công Cng, đây là một tệ nạn xã hội tH dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác, đã gây ảnh hưởng xấu đến T hình an ninh trật tự tại địa phương nên hành V của các bị cáo là hành V phạm tội và pH chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành V mà mình đã gây ra. Do đó, cần áp dụng hình phạt thật nghiêm tương xứng với mức độ và hành V

phạm tội của các bị cáo để nhằm răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4.2] Về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: có tiền án nên áp dụng T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy Đ tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và có N thân xấu; đối với các bị cáo Lương T H, Trần Đình H, Phùng Thế H, Trần Ngọc N, Lê Thị H có N thân xấu nên cần xem xét trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác khi quyết Đ hình phạt.

[4.3] Về T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*T khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” cho các bị cáo Lương T H, Lò Đ V, Trần Đình H, Trần Ngọc N, Phùng Thế H, Nguyễn Văn T, Lê Thị H theo quy Đ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Trần Đình H áp dụng thêm T tiết giảm nhẹ là lao động chính trong gia đình theo quy Đ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

+ Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*T khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” cho các bị cáo Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ và Võ Văn Q theo quy Đ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và người phạm tội là phụ nữ có thai*” cho bị cáo N Thị Q N theo quy Đ tại điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Từ những phân tích nhận Đ trên, căn cứ vào tính chất, mức độ của hành V phạm tội, các T tiết giảm nhẹ và N thân của các bị cáo Hội Đ xét xử xét thấy:

- Đối với các bị cáo Lương T H, Lò Đ V, Trần Đình H, Phùng Thế H, Trần Ngọc N, Lê Thị H, Nguyễn Văn T: căn cứ vào tính chất, mức độ của hành V phạm tội; các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và N thân của các bị cáo. Hội Đ xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo Lương T H, Lò Đ V, Trần Đình H, Phùng Thế H, Trần Ngọc N, Lê Thị H, Nguyễn Văn T ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo, nhận thức hành V phạm tội của mình và mang tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung, Đ thời thể hiện sự nghiêm M của pháp luật;

- Đối với các bị cáo Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Võ Văn Q và N Thị Q N: căn cứ vào tính chất, mức độ của hành V phạm tội, các T tiết giảm nhẹ và N thân của các bị cáo, Hội Đ xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối

với các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở T công dân có ích cho gia đình và xã hội;

[6] Đối với Bùi Thị Thu T (là vợ của Trần Đình H), khi Lò Đ V mượn nhà của H để tổ chức sòng bạc thì T không có mặt ở nhà nên không biết sự Việc. Thời điểm các đối tượng tổ chức và đánh bạc tại nhà mình thì T đang trông quán bida tách biệt với nhà ở nên T cũng không biết. Đối với số tiền 2.000.000 Đ mà Trần Đình H đưa cho T cũng không biết đây là tiền H cho mượn nhà để tổ chức sòng bạc nên không có căn cứ xử L đối với Bùi Thị Thu T.

[7] Về xử L vật chứng:

- Đối với 04 con vị; 01 chén, 01 đĩa; 01 bộ bài tây 52 lá; 01 mền đỏ sử dụng làm chiếu bạc; 01 bấm vị: là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc, xét thấy không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với số tiền thu giữ trên sòng bạc Bo gồm:

 - + Tiền thu tại sòng: 15.300.000 Đ (mười lăm triệu B trăm ngàn Đ),

 - + Số tiền thu trong người các đối tượng sử dụng để đánh bạc: 7.200.000 Đ (bảy triệu hai trăm ngàn Đ) trong đó: thu giữ của Nguyễn Văn Đ: 2.000.000Đ; thu giữ của N Thị Q N : 2.900.000Đ; thu giữ của Đỗ Thị Ngọc B: 500.000Đ; thu giữ của Lương T H: 1.800.000Đ; thu giữ của Bùi Thị Thu T: 2.000.000Đ (tiền thu lợi từ Việc Trần Đình H cho mượn nhà).

N vậy tổng số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc trong vụ án là 24.500.000Đ (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn Đ).

Đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc và liên quan đến hành V đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp;

[8] Về án phí: buộc các bị cáo Lương T H, Lò Đ V, Trần Đình H, Phùng Thế H, Trần Ngọc N, Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, N Thị Q N, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Lê Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Văn Q mỗi bị cáo pH chịu 200.000Đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

1. Tuyên bố các bị cáo Lương T H, Lò Đ V phạm các tội “*tổ chức đánh bạc*” và “*đánh bạc*”; bị cáo Trần Đình H phạm tội “*gá bạc*”; các bị cáo Phùng Thế H, Trần Ngọc N, Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, N Thị Q N, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Lê Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Văn Q phạm tội “*đánh bạc*”.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lương T H, Lò Đ V;

- Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đình H;
- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phùng Thế H;
- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T;
- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Ngọc N, Lê Thị H;
- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Võ Văn Q;
- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N Thị Q N;

Xử phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo **Lương T H 24** (hai mươi bốn) tHg tù về tội “tổ chức đánh bạc” và 12 (mười hai) tHg tù về tội “đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo pH chấp hành là **36 (B mươi sáu)** tHg tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

1.2. Xử phạt bị cáo **Lò Đ V 18** (mười tám) tHg tù về tội “tổ chức đánh bạc” và 09 (chín) tHg tù về tội “đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo pH chấp hành là **27 (hai mươi bảy)** tHg tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

1.3. Xử phạt bị cáo **Trần Đình H 24 (hai mươi bốn)** tHg tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

1.4. Xử phạt bị cáo **Phùng Thế H 42 (bốn mươi hai)** tHg tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

1.5. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 15 (mười lăm)** tHg tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

1.6. Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc N 12 (mười hai)** tHg tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

1.7. Xử phạt bị cáo **Lê Thị H 12 (mười hai)** tHg tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2023 đến ngày 10/8/2023.

1.8. Xử phạt bị cáo **Vũ Phú Đ** số tiền 70.000.000Đ (bảy mươi triệu Đ) để sung ngân sách Nhà nước.

1.9. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** số tiền 70.000.000Đ (bảy mươi triệu Đ) để sung ngân sách Nhà nước.

1.10. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** số tiền 70.000.000Đ (bảy mươi triệu Đ) để sung ngân sách Nhà nước.

1.11. Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Ngọc B** số tiền 70.000.000Đ (bảy mươi triệu Đ) để sung ngân sách Nhà nước.

1.12. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc Q** số tiền 70.000.000Đ (bảy mươi triệu Đ) để sung ngân sách Nhà nước.

1.13. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đ Cao Đ** số tiền 70.000.000Đ (bảy mươi triệu Đ) để sung ngân sách Nhà nước.

1.14. Xử phạt bị cáo **Võ Văn Q** số tiền 70.000.000Đ (bảy mươi triệu Đ) để sung ngân sách Nhà nước.

1.15. Xử phạt bị cáo **N Thị Q N** số tiền 60.000.000Đ (sáu mươi triệu Đ) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về xử L vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 04 con vị; 01 chén, 01 đĩa; 01 bộ bài tây 52 lá; 01 mền đỏ sử dụng làm chiếu bạc; 01 bấm vị .

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 24.500.000Đ (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn Đ).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đ và giấy nộp tiền ngày 09/5/2024 vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ).

3. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Lương T H, Lò Đ V, Trần Đình H, Phùng Thế H, Trần Ngọc N, Vũ Phú Đ, Nguyễn Văn Đ, N Thị Q N, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc Q, Nguyễn Đ Cao Đ, Lê Thị H, Nguyễn Văn T, Võ Văn Q mỗi bị cáo pH nộp 200.000Đ (hai trăm ngàn Đ) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kHg cáo. để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh Lâm Đ xét xử phúc thẩm. Riêng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kHg cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh Lâm Đ xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui Đ tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu HS,AV.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm pH – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị T Vũ

T VÊN HỘI Đ XÉT XỬ

THẨM PH – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Đình N Nguyễn Văn Nhân

Lê Thị T Vũ

